

Số: **13** /2021/QĐ-UBND

Bến Tre, ngày **30** tháng **3** năm 2021

QUYẾT ĐỊNH

**Ban hành Quy chế tổ chức và hoạt động
của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bến Tre**

ỦY BAN NHÂN DÂN TỈNH BẾN TRE

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày ngày 19 tháng 6 năm 2015; Luật Sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương ngày 22 tháng 11 năm 2019;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật ngày 22 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Phòng, chống thiên tai ngày 19 tháng 6 năm 2013;

Căn cứ Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Căn cứ Nghị định số 83/2019/NĐ-CP ngày 12 tháng 11 năm 2019 của Chính phủ sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17 tháng 10 năm 2014 của Chính phủ quy định về thành lập và quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai;

Theo đề nghị của Giám đốc Sở Tài chính tại Tờ trình số 667/TTr-STC ngày 16 tháng 3 năm 2021.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Ban hành kèm theo Quyết định này Quy chế tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Điều khoản thi hành

1. Chánh Văn phòng Ủy ban nhân dân tỉnh, Giám đốc Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn, Giám đốc Sở Tài chính, Giám đốc Kho bạc Nhà nước Bến Tre, Cục trưởng Cục Thuế tỉnh, Giám đốc Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh, Ban chỉ huy Phòng chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh, Chủ tịch Ủy ban nhân

dân các huyện, thành phố, Thủ trưởng các đơn vị và các tổ chức, cá nhân liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

2. Quyết định này có hiệu lực kể từ ngày 15 tháng 4 năm 2021 và thay thế Quyết định số 1355/QĐ-UBND ngày 14 tháng 6 năm 2016 của Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre ban hành quy chế hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bến Tre./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ Nông nghiệp và PTNT (b/c);
- Bộ Tài chính (b/c);
- Ban CĐ TW về phòng, chống thiên tai (b/c);
- Website Chính phủ;
- Cục Kiểm tra VBQPPL-Bộ Tư pháp (để kiểm tra);
- TT.Tỉnh ủy, TT.HĐND tỉnh;
- Đoàn ĐBQH tỉnh (để báo cáo);
- CT và các PCT UBND tỉnh;
- Các Sở, ngành tỉnh;
- MTTQ và các đoàn thể tỉnh;
- Sở Tư pháp (để tự kiểm tra);
- Đài PTTH tỉnh, Báo Đồng Khởi;
- Website tỉnh;
- Ban Tiếp dân (để niêm yết);
- Phòng: TCĐT, KT, TH;
- Lưu: VT, STC, Ph.vj

TM. ỦY BAN NHÂN DÂN
CHỦ TỊCH



Trần Ngọc Tam

QUY CHẾ

Tổ chức và hoạt động của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh Bến Tre
(Ban hành kèm Quyết định số: **13** /2021/QĐ-UBND ngày **30** tháng **3** năm 2021
của Ủy ban nhân dân tỉnh Bến Tre)

Chương I

NHỮNG QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Quy chế này quy định về nguyên tắc hoạt động, cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bến Tre (gọi tắt là Quỹ); đối tượng và mức đóng góp Quỹ; quản lý và sử dụng Quỹ.
2. Quy chế này áp dụng đối với các cơ quan, tổ chức, hộ gia đình, cá nhân người Việt Nam; tổ chức, cá nhân người nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

Điều 2. Nguyên tắc hoạt động của Quỹ

1. Việc quản lý và sử dụng Quỹ phải đảm bảo đúng mục đích, kịp thời, công khai, minh bạch, công bằng và hiệu quả, đúng theo quy định của pháp luật.
2. Quỹ hoạt động không vì mục đích lợi nhuận.

Điều 3. Cơ quan quản lý Quỹ

1. Quỹ phòng, chống thiên tai là quỹ tài chính nhà nước ngoài ngân sách được thành lập ở cấp tỉnh, do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý. Tồn Quỹ cuối năm được chuyển sang năm sau.
2. Cơ quan chuyên môn tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quản lý nhà nước về phòng chống thiên tai là Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn; sử dụng bộ máy của mình để thực hiện nhiệm vụ quản lý Quỹ theo quy định của pháp luật, có con dấu và được mở tài khoản tại Kho bạc Nhà nước, tổ chức hoạt động theo chế độ kiêm nhiệm quản lý Quỹ. Giám đốc Quỹ do Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp tỉnh quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức.

Chương II

ĐỐI TƯỢNG VÀ MỨC ĐÓNG GÓP QUỸ

Điều 4. Đối tượng và mức đóng góp

1. Đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn

Mức đóng góp bắt buộc một năm là hai phần vạn (0,02%) trên tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm nhưng tối thiểu 500.000 đồng (Năm trăm nghìn đồng), tối đa 100.000.000 đồng (Một trăm triệu đồng) và được hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

2. Đối với cá nhân

Công dân Việt Nam từ đủ 18 tuổi đến hết tuổi lao động theo quy định của pháp luật về lao động đóng góp Quỹ một (01) lần trong một năm, cụ thể như sau:

a) Cán bộ, công chức, viên chức trong các cơ quan, tổ chức, lực lượng vũ trang hưởng lương, cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương cơ bản (mức lương cơ bản chia cho số ngày làm việc trong một tháng) sau khi trừ các khoản thuế, bảo hiểm phải nộp;

b) Người lao động trong các doanh nghiệp là số lao động thực tế làm việc trong các doanh nghiệp (trừ cán bộ quản lý trong các doanh nghiệp nhà nước đã nêu tại điểm a Khoản này) đóng 01 ngày lương/người/năm theo mức lương tối thiểu vùng (mức lương tối thiểu vùng chia cho số ngày làm việc trong một tháng). Trường hợp sau khi nhận được thông báo về việc thu nộp Quỹ đối với doanh nghiệp có số người lao động khác với số lao động thực tế thì doanh nghiệp căn cứ vào số lao động thực tế làm việc tại thời điểm nộp Quỹ để thực hiện nộp theo quy định.

Số ngày làm việc bình thường trong một tháng được xác định như sau:

- Đối với người lao động làm việc trong các doanh nghiệp: số ngày làm việc bình thường trong tháng theo quy định của pháp luật mà doanh nghiệp lựa chọn nhưng tối đa không quá 26 ngày.

- Đối với cán bộ, công chức và người lao động trong các cơ quan, đơn vị hành chính sự nghiệp, tổ chức chính trị - xã hội: thực hiện chế độ tuần làm việc 40 giờ trong 5 ngày, nghỉ ngày thứ bảy và chủ nhật hàng tuần, số ngày làm việc trong một tháng là 22 ngày.

c) Người lao động khác, trừ các đối tượng đã được quy định tại Điểm a, Điểm b Khoản 2 này, đóng 15.000 đồng/người/năm.

3. Khuyến khích các tổ chức, cá nhân (kể cả tổ chức, cá nhân nước ngoài, tổ chức quốc tế đang sinh sống, hoạt động hoặc tham gia phòng, chống thiên tai tại tỉnh Bến Tre) tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ.

Điều 5. Đối tượng được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp

1. Đối tượng được miễn đóng góp quỹ

a) Thương binh, bệnh binh và những người được hưởng chính sách như thương binh;

b) Cha đẻ, mẹ đẻ, vợ hoặc chồng của liệt sỹ;

c) Quân nhân làm nghĩa vụ trong lực lượng vũ trang, hạ sĩ quan, chiến sĩ phục vụ có thời hạn trong Công an nhân dân đang hưởng phụ cấp sinh hoạt phí;

d) Sinh viên, học sinh đang theo học tập trung dài hạn tại các trường Đại học, cơ sở giáo dục nghề nghiệp;

đ) Người khuyết tật hoặc bị suy giảm khả năng lao động từ 21% trở lên; người mắc bệnh hiểm nghèo có chứng nhận của bệnh viện từ cấp huyện trở lên;

e) Người đang trong giai đoạn thất nghiệp hoặc không có việc làm từ 6 tháng trong 1 năm trở lên;

g) Thành viên hộ gia đình thuộc diện nghèo hoặc cận nghèo; thành viên thuộc hộ gia đình bị thiệt hại nặng nề do thiên tai, dịch bệnh, cháy nổ, tai nạn; thành viên thuộc hộ gia đình ở các xã đặc biệt khó khăn vùng bãi ngang ven biển, hải đảo, các xã khu vực III thuộc vùng dân tộc thiểu số và miền núi; đối tượng bảo trợ xã hội đang hưởng trợ cấp xã hội hàng tháng theo các quyết định của Thủ tướng Chính phủ, Nghị định của Chính phủ và các văn bản sửa đổi, bổ sung các văn bản nêu trên (nếu có).

h) Hợp tác xã không có nguồn thu;

i) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn trong năm bị thiệt hại do thiên tai gây ra về tài sản, nhà xưởng, thiết bị; phải tu sửa, mua sắm với giá trị lớn hơn hai phần vạn (0,02%) tổng giá trị tài sản của tổ chức hoặc phải ngừng sản xuất kinh doanh từ 5 ngày trở lên.

2. Đối tượng được giảm, tạm hoãn đóng góp quỹ

Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn được miễn, giảm thuế thu nhập doanh nghiệp trong năm thì được xem xét giảm, tạm hoãn đóng góp quỹ nếu kết quả sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề bị lỗ. Trường hợp kết quả sản xuất kinh doanh trên Báo cáo tài chính của năm trước liền kề bị lỗ, khi cơ quan Thuế hoặc cơ quan chức năng khác thanh tra, kiểm tra mà kết quả sản xuất kinh doanh có lãi thì doanh nghiệp phải thực hiện nộp bổ sung Quỹ phòng, chống thiên tai theo quy định.

Điều 6. Thẩm quyền quyết định; Giải quyết miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp quỹ

1. Thẩm quyền quyết định việc miễn, giảm, tạm hoãn và thời hạn được miễn, giảm, tạm hoãn:

Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định miễn, giảm, tạm hoãn đối với các đối tượng được quy định tại Điều 6 Quy chế này. Việc xét thời gian được miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp Quỹ của địa phương được tiến hành mỗi năm một lần vào thời điểm xây dựng kế hoạch thu Quỹ hàng năm. Trường hợp đối tượng đã đóng góp tiền nộp vào Quỹ, nếu được xét miễn, giảm, tạm hoãn thì số tiền đã nộp được trừ vào số tiền đóng góp của năm sau.

2. Giải quyết miễn, giảm, tạm hoãn đóng góp quỹ

a) Đối với các trường hợp miễn đóng góp quỹ

- Đối với các đối tượng quy định tại Khoản 1 Điều 5 Quy chế này (trừ Điểm i Khoản 1), Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp, xác minh các đối tượng trên địa bàn được miễn đóng góp quỹ báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra, báo cáo tổng hợp đối tượng được miễn đóng góp Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp xã trình gửi Cơ quan quản lý Quỹ. Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp, báo cáo đối tượng được miễn đóng góp Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp huyện đề xuất trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

- Đối với thiệt hại do thiên tai gây ra cho các tổ chức tại Điểm i Khoản 1 Điều 5 Quy chế này: Tổ chức bị thiệt hại phải báo cáo thiệt hại và đề xuất với chính quyền địa phương, Ủy ban nhân dân cấp xã kiểm tra, xác minh thiệt hại và báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện. Ủy ban nhân dân cấp huyện thẩm tra báo cáo

thiệt hại của tổ chức do Ủy ban nhân dân cấp xã trình và đề xuất về đối tượng được miễn, thời hạn miễn đóng góp Quỹ gửi Cơ quan quản lý Quỹ. Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp đề xuất đối tượng được miễn, thời gian miễn đóng góp quỹ do Ủy ban nhân dân cấp huyện trình, phối hợp với Ban Chỉ huy Phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

b) Đối với trường hợp được giảm, tạm hoãn

Tổ chức thuộc đối tượng được giảm, tạm hoãn nộp quỹ gửi văn bản đề nghị giảm, tạm hoãn tới Cơ quan thuế quản lý trực tiếp. Cơ quan thuế quản lý trực tiếp kiểm tra, nếu đủ điều kiện (kết quả sản xuất kinh doanh theo báo cáo tài chính của năm trước liền kề bị lỗ) thì xác nhận và đề xuất mức giảm, tạm hoãn, thời gian miễn, tạm hoãn gửi cho Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp trình Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định.

Chương III **QUẢN LÝ VÀ SỬ DỤNG QUỸ**

Điều 7. Lập, phê duyệt và thông báo kế hoạch thu Quỹ

1. Lập kế hoạch thu quỹ

Căn cứ đối tượng phải nộp, đối tượng được miễn giảm, tạm hoãn đóng quỹ, mức đóng quỹ, các cơ quan, địa phương lập kế hoạch thu quỹ như sau:

a) Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế tỉnh lập kế hoạch thu quỹ gửi Cục Thuế tỉnh trước ngày 01 tháng 4 hàng năm. Cục Thuế tỉnh tổng hợp gửi Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 15 tháng 4 hàng năm (gồm thu tổ chức kinh tế và cá nhân trong tổ chức kinh tế).

b) Các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; lực lượng vũ trang; các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh có trách nhiệm lập kế hoạch thu quỹ của cán bộ công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý, gửi Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.

c) Các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của các Chi cục Thuế (gồm thu tổ chức kinh tế và cá nhân trong tổ chức kinh tế) lập kế hoạch thu Quỹ gửi các Chi cục Thuế; Các cơ quan, đơn vị thuộc phạm vi quản lý của huyện lập kế hoạch thu quỹ cán bộ, công chức, viên chức, người lao động thuộc phạm vi quản lý; Ủy ban nhân dân cấp xã lập kế hoạch thu quỹ để tổng hợp, báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 01 tháng 4 hàng năm. Ủy ban nhân dân cấp huyện tổng hợp kế hoạch thu gửi Cơ quan quản lý Quỹ trước ngày 15 tháng 4 hàng năm.

2. Phê duyệt, thông báo kế hoạch thu quỹ

a) Cơ quan quản lý Quỹ tổng hợp công tác xây dựng kế hoạch thu quỹ của các cơ quan, đơn vị, tổ chức và Ủy ban nhân dân cấp huyện trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt làm cơ sở để các đơn vị triển khai thực hiện trước ngày 10 tháng 5 hàng năm.

b) Căn cứ kế hoạch thu Quỹ được Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh phê duyệt, Cơ quan quản lý Quỹ thông báo đến Cục Thuế tỉnh, Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn

vị thuộc tỉnh; lực lượng vũ trang; các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh và Ủy ban nhân dân cấp huyện triển khai thực hiện.

Điều 8. Tổ chức quản lý và thu nộp Quỹ

1. Thu nộp quỹ:

a) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của Cục Thuế tỉnh; các Sở, ban, ngành, cơ quan, đơn vị thuộc tỉnh; lực lượng vũ trang; các đơn vị Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh nộp vào tài khoản số 3761.0.1127225.91049 của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre.

b) Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài thuộc phạm vi quản lý của các Chi cục Thuế; Các cơ quan, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, Ủy ban nhân dân cấp xã nộp vào tài khoản của Phòng Tài chính – Kế hoạch do Ủy ban nhân dân cấp huyện uỷ quyền mở tại Kho bạc Nhà nước cấp huyện để theo dõi thu, nộp quỹ trên địa bàn.

c) Các tổ chức, cá nhân tham gia đóng góp tự nguyện cho Quỹ phòng, chống thiên tai nộp vào tài khoản số 3761.0.1127225.91049 của Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh mở tại Kho bạc Nhà nước tỉnh Bến Tre.

2. Chứng từ sử dụng thu Quỹ

a) Các tổ chức kinh tế đóng quỹ sử dụng chứng từ chi tiền (Phiếu chi theo mẫu số 02-TT Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính) để hạch toán vào chi phí hoạt động sản xuất kinh doanh.

b) Các cơ quan, tổ chức, đơn vị, Ủy ban nhân dân cấp xã khi thu các khoản đóng góp quỹ của cá nhân người lao động thì sử dụng Phiếu thu (theo mẫu số 01-TT Ban hành theo Thông tư số 133/2016/TT-BTC ngày 26/8/2016 của Bộ Tài chính).

3. Thời hạn nộp quỹ

a) Đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài: nộp tối thiểu 50% số phải nộp trước ngày 30 tháng 5 hàng năm, số còn lại nộp trước ngày 30 tháng 10 hàng năm.

b) Đối với các cá nhân: nộp 01 lần cho cả năm, thời hạn nộp trước ngày 30 tháng 5 hàng năm.

c) Ủy ban nhân dân cấp xã tổng hợp số tiền đóng góp Quỹ của địa phương mình và nộp vào tài khoản của uỷ quyền tại Điểm b Khoản 1 Điều này vào định kỳ cuối mỗi quý (trước ngày 10 tháng cuối cùng của quý).

d) Ủy ban nhân dân cấp huyện: Định kỳ vào ngày 25 của tháng cuối quý tổng hợp, nộp số tiền thu được trên địa bàn về Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh sau khi trừ tỷ lệ để lại tại Điều 9 Quy chế này.

Hồ sơ bao gồm: Báo cáo số liệu thu, nộp quỹ trong quý và lũy kế từ đầu năm; Bản đối chiếu với Kho bạc Nhà nước cùng cấp.

Điều 9. Phân cấp và giao Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã sử dụng nguồn thu từ Quỹ phòng, chống thiên tai:

1. Cấp xã: Được giữ lại 20% số thu được thực tế của cấp xã.
2. Cấp huyện: Được giữ lại 20% số thu của cấp huyện (không tính số thu của cấp xã nộp lên).
3. Cấp tỉnh: Quản lý toàn bộ tổng số thu thực tế trên địa bàn tỉnh sau khi trừ phần đã giữ lại của cấp huyện, cấp xã.
4. Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh chỉ hỗ trợ cho cấp huyện, cấp xã khi cấp huyện, cấp xã đã sử dụng hết nguồn dự phòng ngân sách cho công tác phòng, chống thiên tai và 20% nguồn thu Quỹ phòng, chống thiên tai được giữ lại tại địa phương mình.

Điều 10. Nội dung chi và mức chi

Thực hiện theo quy định tại Điều 9 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ và Khoản 4 Điều 1 Nghị định 83/2019/NĐ-CP ngày 12/11/2019 của Chính phủ, cụ thể:

1. Chi cứu trợ, hỗ trợ dân sinh
 - a) Nội dung và mức hỗ trợ, cứu trợ khẩn cấp về lương thực, nước uống, thuốc chữa bệnh và các nhu cầu cấp thiết khác cho đối tượng bị thiệt hại do thiên tai; hỗ trợ tu sửa nhà ở của nhân dân bị hư hỏng do thiên tai, cụ thể:
 - Hỗ trợ 15kg gạo/người/tháng trong thời gian không quá 03 tháng cho mỗi đợt trợ giúp đối với các thành viên hộ gia đình thiếu đói trong và sau thiên tai.
 - Hỗ trợ người bị thương nặng do thiên tai gây ra được khám và điều trị tại các bệnh viện, trạm y tế địa phương, mức hỗ trợ 2.700.000 đồng/trường hợp.
 - Hỗ trợ chi phí mai táng cho gia đình có người chết, mất tích do thiên tai với mức hỗ trợ 5.400.000 đồng/trường hợp.
 - Hỗ trợ cho cơ quan, tổ chức, cá nhân để mai táng cho người chết do thiên tai gây ra mà không rõ tung tích người chết, không có người thân thích theo chi phí thực tế nhưng không quá 8.100.000 đồng/trường hợp.
 - Hộ gia đình có nhà ở chính bị đổ, sập, trôi, cháy hoàn toàn do thiên tai mà không còn nơi ở; hộ phải di dời nhà ở khẩn cấp theo quyết định của cơ quan có thẩm quyền do nguy cơ sạt lở, lũ, lụt, thiên tai, hoả hoạn thì được xem xét hỗ trợ chi phí làm nhà ở với mức không quá 20.000.000 đồng/hộ; Nhà bị hư hỏng nặng do thiên tai mà không ở được thì được xem xét hỗ trợ chi phí sửa chữa nhà ở với mức tối đa không quá 15.000.000 đồng/hộ.
 - b) Trường hợp 01 đối tượng được hưởng chính sách tương tự tại Điểm a Khoản 1 Điều này từ các chế độ khác của địa phương, cơ quan tham mưu hỗ trợ xem xét, trình cấp thẩm quyền mức hỗ trợ cao nhất.
2. Hỗ trợ tu sửa cơ sở y tế, trường học, xử lý vệ sinh môi trường vùng thiên tai, tu sửa nhà sơ tán phòng tránh thiên tai; tháo bỏ hạng mục, vật cản gây nguy cơ rủi ro thiên tai; tu sửa, xử lý khẩn cấp đê, kè, cống và công trình phòng chống thiên tai được hỗ trợ kinh phí tối đa không quá 1 tỷ đồng/1 công trình.
3. Hỗ trợ chi thù lao cho lực lượng trực tiếp thu và các chi phí hành chính phát sinh liên quan đến công tác thu Quỹ như sau: Cấp xã 2,5% tổng thu trên địa

bàn cấp xã; cấp huyện 2,5% số thu của cấp huyện (không tính số thu của cấp xã nộp lên); cấp tỉnh 0,5% tổng thu trên địa bàn tỉnh.

4. Điều chuyển để hỗ trợ các địa phương khác bị thiệt hại do thiên tai vượt quá khả năng khắc phục của địa phương.

5. Một số nội dung chi khác:

a) Tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng; tập huấn và duy trì hoạt động cho các đối tượng tham gia hộ đê, lực lượng quản lý đê nhân dân, lực lượng xung kích phòng, chống thiên tai cấp xã:

Thực hiện theo quy định tại Nghị định số 30/2017/NĐ-CP ngày 21 tháng 3 năm 2017 của Chính phủ quy định tổ chức, hoạt động ứng phó sự cố, thiên tai và tìm kiếm cứu nạn; Nghị quyết số 18/2017/NQ-HĐND ngày 05 tháng 12 năm 2017 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định chế độ công tác phí, chế độ chi Hội nghị trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

b) Xây dựng và phổ biến tuyên truyền kiến thức pháp luật; lập và rà soát kế hoạch phòng, chống thiên tai; tổ chức tập huấn, nâng cao nhận thức cho các lực lượng tham gia công tác phòng chống thiên tai các cấp ở địa phương và cộng đồng:

Thực hiện theo Nghị quyết số 11/2014/NQ-HĐND ngày 10/7/2014 của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định mức chi đảm bảo cho công tác phổ biến, giáo dục pháp luật và chuẩn tiếp cận pháp luật của người dân tại cơ sở trên địa bàn tỉnh Bến Tre; Thông tư số 03/2018/TT-BTTTT ngày 20 tháng 4 năm 2018 của Bộ Thông tin và Truyền thông ban hành định mức kinh tế - kỹ thuật về sản xuất Chương trình truyền hình; Nghị định số 18/2014/NĐ-CP ngày 14 tháng 3 năm 2014 của Chính phủ quy định về chế độ nhuận bút cho tác giả, chủ sở hữu quyền tác giả đối với tác phẩm báo chí (gồm báo in, báo nói, báo hình, báo điện tử) xuất bản phẩm khi tham gia thực hiện tuyên truyền.

Thủ trưởng cơ quan được giao thực hiện nhiệm vụ truyền thông chịu trách nhiệm lựa chọn hình thức, sản phẩm, nội dung truyền thông và phê duyệt dự toán kinh phí thực hiện công việc trong phạm vi dự toán được giao theo thẩm quyền, đảm bảo đúng chính sách, chế độ, tiết kiệm, hiệu quả, phù hợp với quy định của pháp luật về đấu thầu, đặt hàng và giao nhiệm vụ.

Điều 11. Thanh, quyết toán các nội dung hỗ trợ:

1. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 1 Điều 10:

Hồ sơ và quy trình hỗ trợ thực hiện theo hướng dẫn của Quyết định số 49/2016/QĐ-UBND ngày 23 tháng 9 năm 2020 của Ủy ban nhân dân tỉnh quy định chính sách trợ giúp xã hội đối với đối tượng bảo trợ xã hội trên địa bàn tỉnh Bến Tre.

2. Đối với các nội dung quy định tại Khoản 2 Điều 10:

a) Đối với các công trình thuộc sử dụng số dư Quỹ do Ủy ban nhân dân cấp huyện quản lý:

Tuỳ theo tình hình thực tế địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp huyện xem xét, quyết định đầu tư theo quy định.

b) Đối với các công trình vượt quá khả năng cân đối của địa phương, đề xuất sử dụng Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh hỗ trợ:

- Ủy ban nhân dân cấp huyện căn cứ tình hình thực tế, yêu cầu về công tác phòng, chống thiên tai tại địa phương có báo cáo đánh giá, đề xuất các giải pháp đầu tư gửi Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh.

- Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn tỉnh có văn bản gửi các ngành liên quan (Sở Kế hoạch và Đầu tư, Sở Tài chính, Sở Xây dựng, Sở Tài nguyên và Môi trường...) cho ý kiến về nội dung đề xuất trước khi trình Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, cho ý kiến thực hiện.

- Trình tự, thủ tục thanh, quyết toán: Thực hiện theo Thông tư số 92/2017/TT-BTC ngày 18 tháng 9 năm 2017 của Bộ Tài chính quy định về lập dự toán, phân bổ và quyết toán kinh phí để thực hiện sửa chữa, bảo trì, cải tạo, nâng cấp, mở rộng cơ sở vật chất.

3. Đối với mức chi thù lao quy định tại Khoản 3 Điều 10:

a) Chế độ lương, phụ cấp kiêm nhiệm của cán bộ, công chức, viên chức Ban quản lý Quỹ thực hiện theo Thông tư số 78/2005/TT-BNV ngày 10 tháng 8 năm 2005 của Bộ Nội vụ về hướng dẫn chế độ phụ cấp kiêm nhiệm đối với cán bộ công chức, viên chức kiêm nhiệm chức danh lãnh đạo đứng đầu cơ quan, đơn vị khác. Phụ cấp kiêm nhiệm của kế toán trưởng được thực hiện theo quy định tại Thông tư số 04/2018/TT-BNV ngày 27 tháng 3 năm 2018 của Bộ Nội vụ hướng dẫn về phụ cấp trách nhiệm công việc của kế toán trưởng các đơn vị kế toán.

b) Chế độ làm thêm giờ: Thực hiện theo Thông tư liên tịch số 08/2005/TTLT-BNV-BTC ngày 05 tháng 01 năm 2005 của Bộ Nội vụ - Bộ Tài chính hướng dẫn chế độ trả lương làm việc vào ban đêm, làm thêm giờ đối với cán bộ, công chức, viên chức.

c) Thù lao đối với các đối tượng không hưởng lương từ ngân sách nhà nước: Căn cứ vào tình hình thực tế tại địa phương, Chủ tịch Ủy ban nhân dân cấp xã quyết định.

d) Chi phí hành chính khác: Văn phòng phẩm, mực in, photo tài liệu, cước bưu chính, chi phí hội họp phục vụ trực tiếp công tác thu Quỹ tại địa phương được thanh, quyết toán theo quy định hiện hành.

Điều 12. Thẩm quyền chi quỹ

1. Chủ tịch Ủy ban nhân dân các cấp quyết định mức chi và nội dung chi cho các đối tượng theo đề nghị của Ban Chỉ huy phòng, chống thiên tai và Tìm kiếm cứu nạn cùng cấp trên cơ sở quy định tại Điều 10, Điều 11 và Điều 12 Quy chế này.

2. Căn cứ vào số thu Quỹ, Chủ tịch Ủy ban nhân dân tỉnh quyết định việc xuất Quỹ hỗ trợ cho các địa phương khác.

Điều 13. Báo cáo, phê duyệt quyết toán

1. Các cơ quan, đơn vị, địa phương được hỗ trợ kinh phí chịu trách nhiệm quản lý, sử dụng và thanh quyết toán nguồn kinh phí với cơ quan tài chính cùng cấp theo đúng quy định, đồng thời gửi báo cáo quyết toán về Cơ quan quản lý Quỹ để tổng hợp, theo dõi.

2. Hàng năm Sở Tài chính phối hợp với cơ quan quản lý Quỹ tổ chức thẩm tra, xét duyệt quyết toán Quỹ theo quy định hiện hành. Căn cứ kết quả xét duyệt quyết toán cơ quan quản lý Quỹ có trách nhiệm báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ năm trước với Ủy ban nhân dân tỉnh vào Quý I năm sau.

3. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn có trách nhiệm tham mưu cho Ủy ban nhân dân tỉnh báo cáo kết quả thu, chi Quỹ với Ban Chỉ đạo Trung ương về phòng, chống thiên tai, Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn và Bộ Tài chính theo quy định hoặc đột xuất khi có yêu cầu.

4. Ủy ban nhân dân cấp huyện hàng năm phải lập báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ trên địa bàn, quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo về Cơ quan quản lý Quỹ tỉnh trước ngày 28 tháng 02 năm sau.

5. Ủy ban nhân dân cấp xã hàng năm phải lập báo cáo quyết toán thu, chi Quỹ trên địa bàn; quản lý, lưu trữ hồ sơ, tài liệu theo quy định; đồng thời gửi báo cáo Ủy ban nhân dân cấp huyện trước ngày 31 tháng 01 năm sau.

6. Quỹ thực hiện chế độ kế toán theo quy định của pháp luật về kế toán hiện hành và hướng dẫn của Bộ Tài chính.

Điều 14. Thanh tra, kiểm toán, giám sát hoạt động Quỹ; Công khai nguồn thu, chi Quỹ:

Thực hiện theo Điều 12, Điều 13 Nghị định số 94/2014/NĐ-CP ngày 17/10/2014 của Chính phủ.

Điều 15. Trách nhiệm của các Sở, ban, ngành của tỉnh; Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã; Ban chỉ huy phòng, chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn tỉnh và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan

1. Sở Nông nghiệp và Phát triển nông thôn (Cơ quan Thường trực phòng chống thiên tai tỉnh) chủ trì, phối hợp Sở Tài chính và các đơn vị có liên quan có trách nhiệm tham mưu, giúp Ủy ban nhân dân tỉnh hướng dẫn, chỉ đạo tổ chức thực hiện quản lý, sử dụng Quỹ hiệu quả; định kỳ tổ chức việc thanh tra, kiểm tra, giám sát hoạt động Quỹ; công khai Quỹ theo quy định của Chính phủ và các quy định của pháp luật liên quan; Hướng dẫn, đôn đốc, kiểm tra tổ chức việc thu Quỹ; Tổng hợp các ý kiến về những khó khăn, vướng mắc trong quá trình thực hiện, trình các cấp có thẩm quyền xem xét, phê duyệt.

2. Cục Thuế tỉnh có trách nhiệm phối hợp trong việc hỗ trợ thu Quỹ, lập kế hoạch thu Quỹ và cung cấp thông tin tổng giá trị tài sản hiện có tại Việt Nam theo báo cáo tài chính hàng năm đối với các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn tỉnh cho cơ quan quản lý Quỹ.

3. Kho bạc nhà nước các cấp hỗ trợ tiếp nhận, đối chiếu nguồn đóng góp Quỹ tại các địa phương, đơn vị chuyển về tài khoản phục vụ thu Quỹ các cấp và cấp phát khi có đề nghị của Cơ quan Quản lý Quỹ cấp tỉnh, Ủy ban nhân dân cấp huyện, cấp xã theo phân cấp.

4. Ủy ban nhân dân các cấp theo nhiệm vụ quy định tại Quy chế này và các quy định hiện hành thực hiện việc quản lý, sử dụng kinh phí phòng, chống thiên tai tiết kiệm, hiệu quả, đúng chế độ.

5. Tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài và cá nhân quy định tại Điều 5 của Quy chế này có nghĩa vụ đóng góp cho Quỹ theo quy định.

Chương IV

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 16. Trách nhiệm thi hành

Thủ trưởng các Sở, ban, ngành tỉnh; Thủ trưởng các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh; Thủ trưởng các tổ chức kinh tế trong nước và nước ngoài trên địa bàn; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các huyện, thành phố; Chủ tịch Ủy ban nhân dân các xã, phường, thị trấn; Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này.

Điều 17. Đề xuất sửa đổi, bổ sung

Trong quá trình thực hiện, nếu có khó khăn, vướng mắc hoặc nội dung cần sửa đổi, bổ sung cho phù hợp với yêu cầu, nhiệm vụ, Cơ quan quản lý Quỹ phòng, chống thiên tai tỉnh thống nhất với các cơ quan, đơn vị có liên quan, báo cáo, đề xuất Ủy ban nhân dân tỉnh xem xét, quyết định./.



Trần Ngọc Tam